

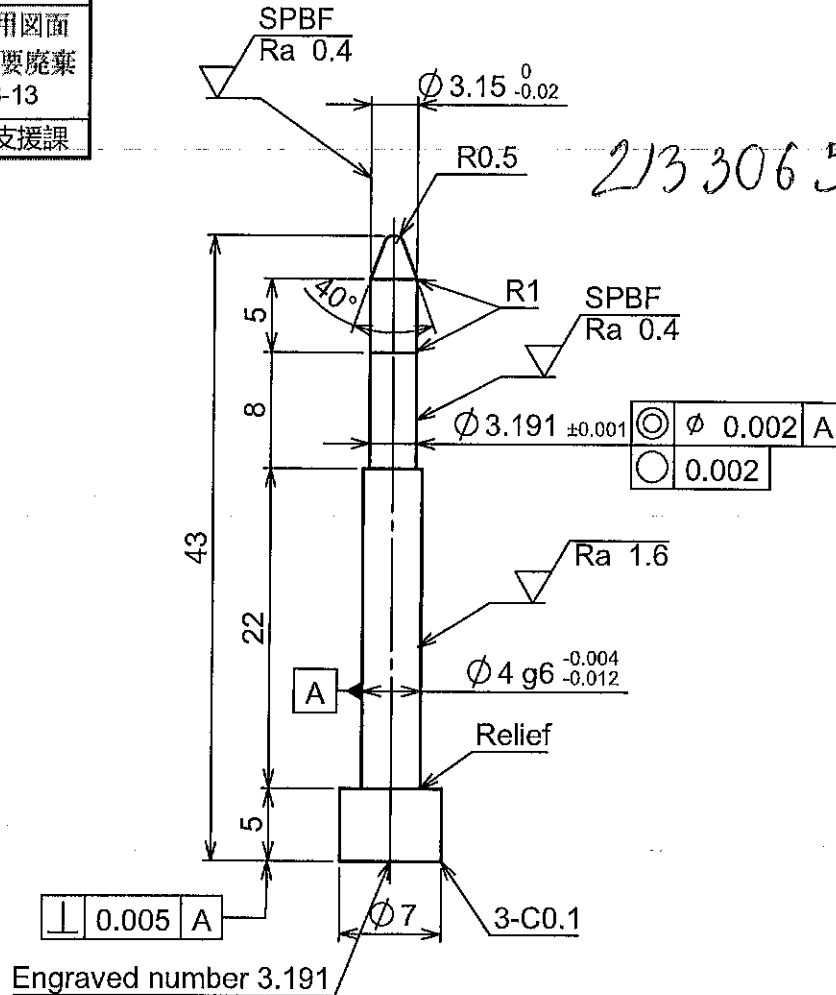
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2021/12/21	New production	DVB-0628	Dang_Dinh_Tuan	Nguyen_Van_Thao	Ha_Ngoc_Tien	$0.5 \leq \leq 6$	± 0.1
△							$6 < \leq 30$	± 0.2
△							$30 < \leq 120$	± 0.3
△							$120 < \leq 400$	± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE
SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-A

FINISH MARKS

Unspecified
Corner C0.1

製作・検取用図面
検収完了後要廃棄
2023-06-13
VDM 生産支援課



S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Phuc_Bao	WC(D30)		部品図	サイジングピン
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	SIZING PIN
Ha_Ngoc_Tien		2:1	部品圖	整形銷
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Ha_Ngoc_Tien	HRC °~°	A4	2021/12/21	R440057

SNO: **R440057**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	GR:25 GS1:20 GC:135 GP:60 GS2:20 AF:10 AL:5 KT